

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **207/2020/HS-ST**

Ngày: 31/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP.HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh

2. Bà Nguyễn Thị Minh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tú, Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đăng Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 235/2020/TLST-HS ngày 18/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2020/QĐXXST-HS ngày 19/8/2020 đối với bị cáo:

PHẠM MINH H, sinh năm: 1998; HKTT: thôn PQ, xã QT, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: tự do; con ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị N; danh chỉ bản số 238 ngày 23/3/2020 lập tại Công an quận Long Biên:

- Tiền án: không;

- Tiền sự: Ngày 26/4/2019, Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác;

- Nhân thân: Bản án số 247/2015/HSST ngày 28/9/2015, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/10/2016, đã nộp án phí, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không bị coi là án tích.

Bị bắt khẩn cấp ngày **11/3/2020**; hiện áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an Tp. Hà Nội; Có mặt.

Bị hại: Chị Đào Thị Kim H1, sinh năm 1999; địa chỉ: P701, chung cư 11 tầng đường Đồng Quốc Bình, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/8/2002; địa chỉ: thôn Rừng, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Đức T: Ông Nguyễn Đức Th và bà Nguyễn Thị Ph (là bố mẹ đẻ của anh T); cùng địa chỉ: thôn Rừng, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Minh H và Đào Thị Kim H1 quen biết trên mạng xã hội Facebook khoảng tháng 01/2020. Ngày 03/3/2020, biết chị H1 có việc về Hà Nội để đi lễ chùa, H đã rủ và hẹn H1 đi ăn và giới thiệu khách mua thuốc lá điện tử cho H1. Khoảng 18h ngày 03/3/2020 H đón H1 từ quận Thanh Xuân sang nhà nghỉ Hoàng Gia (tổ 23 phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội) thuê phòng 506 để đợi bạn. Tại nhà nghỉ Hoàng Gia, H đặt vấn đề quan hệ tình cảm, H1 không đồng ý, H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của H1. Để thực hiện được việc chiếm đoạt tài sản, H đã đưa ra thông tin giả là cần tiền của một người bạn nhưng bị chặn số điện thoại của H nên cần mượn điện thoại của H1. H1 tin là thật nên đưa cho H mượn chiếc điện thoại Iphone 8Plus và đọc mật khẩu 456789 cho H, sau khi mở được điện thoại, H giả vờ gọi điện rồi nói đầu dây bên kia không nghe máy nên tiếp tục mượn chiếc điện thoại còn lại (Iphone XS), H1 đồng ý và nhập mật khẩu 290499 để cho H mượn liên lạc. Do có ý định chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại này nên H đã ghi nhớ mật khẩu của hai chiếc điện thoại nêu trên. Sau đó, H giả vờ có điện thoại gọi vào số máy của mình, nghe xong rồi nói H1 cầm thuốc lá điện tử xuống cổng nhà nghỉ để bán cho bạn của H. Do tin tưởng nên H1 đã để lại 02 chiếc điện thoại (đã cho H mượn) cùng túi xách trên phòng, rồi đi xuống sảnh để gặp khách mua thuốc lá điện tử. Sau khi H1 rời khỏi phòng, H cầm 02 chiếc điện thoại định bỏ đi thì nhìn thấy chiếc túi xách của H1 để trên bàn nên mở túi lấy đi 01 chiếc ví màu đen và cầm theo 02 chiếc điện thoại rồi đi theo lối cầu thang bộ, xuống đến tầng 2 H thấy H1 chuẩn bị đi vào thang máy, nên đứng lại chờ H1 vào hắt thang máy và đóng cửa thang thì H nhanh chóng đi xuống sảnh và ra ngoài đường đón taxi tẩu thoát. Trên đường đi (khi ngồi trên taxi), H đã tháo 02 sim trên 02 máy điện thoại đã chiếm đoạt của chị H1, mở ví của chị

H1 lấy được số tiền 2.000.000 đồng cùng 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank. Sau đó H vứt bỏ 02 sim điện thoại cùng chiếc ví xuống đường (không nhớ vị trí). Về đến khu vực Cừu Việt, Gia Lâm, Hà Nội, do nhớ được mật khẩu của 02 chiếc điện thoại, H đã nhập mật khẩu và thoát iCloud của máy Iphone XSMAX và cài đặt lại điện thoại ở chế độ trống không (không có dữ liệu); còn điện thoại Iphone 8Plus không có iCloud nên H xóa toàn bộ dữ liệu cũ trên máy để về tình trạng trống không.

Ngay trong tối 03/3/2020, H đã bán chiếc điện thoại Iphone XSMAX cho anh Nguyễn Huy D (kinh doanh điện thoại di động tại Cừu Việt, Gia Lâm, HN) với giá 12.000.000 đồng; anh D bán lại cho anh Nguyễn Khắc T1 (Mỹ Hào, Hưng Yên) với giá 13.000.000 đồng; anh T1 bán lại cho anh Nguyễn Đức T (Mỹ Hào, Hưng Yên) với giá 13.500.000 đồng. Chiếc điện thoại di động Iphone 8Plus H rao bán trên mạng xã hội cho người đàn ông không quen biết với giá 6.000.000 đồng vào ngày 04/3/2020. Những người mua điện thoại đều không biết là tài sản do H phạm tội mà có, các điện thoại khi rao bán đều ở trạng thái trống rỗng, không có thông tin và không cài mật khẩu.

Khoảng 04 giờ sáng 04/3/2020, H sử dụng thẻ ATM lấy trong ví của chị H1, ra cây rút tiền số 09, 10 và 12 của Ngân hàng Agribank Chi nhánh Gia Lâm để rút tiền. Do H nhớ mật khẩu mở 02 chiếc điện thoại của chị H1, nên thử nhập mật khẩu 456789 nhưng không mở được nên tiếp tục nhập mật khẩu 290499 thì mở được thẻ, H thực hiện 12 lần rút tiền và rút được tổng số tiền là 25.000.000 đồng thì bị nuốt thẻ. Tại thời điểm H chiếm đoạt chiếc thẻ ATM, trong thẻ có tổng số 31.621.300 đồng, sáng 04/3/2020, chị H1 ra Ngân hàng báo mất thẻ và rút nốt số tiền còn lại trong thẻ.

Kết luận định giá tài sản số 67 ngày 29/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Long Biên kết luận: *01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX trị giá **18.500.000 đồng**, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus trị giá **13.600.000 đồng**, ví cầm tay màu đen có gắn chữ Gucci có nắp khóa màu vàng kim loại, pha vải màu xanh đỏ trên nắp ví kích thước khoảng 15*10cm trị giá **100.000 đồng**, thẻ ATM bằng nhựa của Ngân hàng Agribank trị giá **10.000 đồng**. Tổng tài sản định giá là 32.210.000 đồng.*

Kết luận định giá tài sản số 126 ngày 07/8/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Long Biên kết luận: *01 thẻ sim điện thoại số 0336928295 đã qua sử dụng và 01 thẻ sim điện thoại số 0925133099 đã qua sử dụng có giá trị **0 đồng** (không đồng).*

Quá trình điều tra, chị H1 khai ngoài số tài sản nêu trên, trong ví của chị H1 tại thời điểm H chiếm đoạt còn có 01 đôi bông tai bằng vàng tây, 01 dây chuyền bằng vàng tây. Tuy nhiên, H không thừa nhận, chiếc ví da không thu hồi được. Do đó, không đủ căn cứ kết luận H đã chiếm đoạt 01 đôi bông tai và 01 dây chuyền của chị H1.

Tài sản thu hồi được gồm có:

- Số tiền 1.440.000 đồng do Phạm Minh H giao nộp khi bị bắt giữ, H khai đây là số tiền còn lại sau khi đã tiêu sài gần hết số tiền lấy trong ví, bán tài sản đã chiếm đoạt và rút tiền trong tài khoản của chị H1;

- Chiếc điện thoại Iphone XSMAX do anh Nguyễn Đức T tự nguyện giao nộp, đã trả lại bị hại.

Về dân sự:

- Chị Đào Thị Kim H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tài sản chưa thu hồi được gồm: chiếc điện thoại Iphone 8Plus, chiếc ví, thẻ ATM cùng số tiền 2.000.000 đồng trong ví và 25.000.000 đồng rút từ tài khoản, theo kết luận định giá tài sản. Đối với 02 sim điện thoại, ngay sau khi bị mất chị H1 đã đi làm lại sim để sử dụng và không yêu cầu bồi thường.

- Anh Nguyễn Đức T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã mua chiếc điện thoại Iphone XSMAX mà anh đã tự nguyện giao nộp để trả lại cho bị hại.

Bản cáo trạng số 185/CT-VKSLB ngày 23/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Phạm Minh H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Về nhân thân, Bản án năm 2015 bị cáo phạm tội khi chưa thành niên nên không coi là án tích, lần xử phạt hành chính năm 2019 chưa hết thời hiệu nên xác định là tiền sự. Do vậy bị cáo là người có nhân thân xấu. Về tội danh: giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Minh H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173, Khoản 1 Điều 174, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ

15 đến 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, từ 18 đến 20 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 33 đến 38 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng: trả lại cho bị hại số tiền 1.440.000 đồng thu giữ của bị cáo theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự. Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại giá trị tài sản không thu hồi được theo kết luận định giá tài sản, buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền đã mua điện thoại là 13.500.000 đồng, theo quy định tại Điều 47 của BLHS và Điều 106 của BLTTHS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại là chị Đào Thị Kim H1, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức T cùng đại diện hợp pháp của anh T đã được triệu tập hợp lệ và đều có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 03/3/2020, bị cáo Phạm Minh H và bị hại Đào Thị Kim H1 cùng thuê chung một phòng tại nhà nghỉ Hoàng Gia, thuộc tổ 23, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do có ý định chiếm đoạt tài sản của chị H1 từ trước nên H đã đưa ra một chuỗi những thủ đoạn gian dối làm cho chị H1 tin tưởng và bàn giao 02 chiếc điện thoại cho bị cáo, sau khi quản lý được 02 chiếc điện thoại nhưng vì chưa thể tẩu thoát nên H tiếp tục nói dối để chị H1 rời khỏi phòng nghỉ. Sau khi chị H1 ra khỏi phòng nghỉ và vẫn để túi xách của mình trong phòng, H đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chị H1, lén lút lấy đi chiếc ví bên trong có tiền và thẻ ATM cùng một số giấy tờ của chị H1 và cầm theo 02 chiếc điện thoại mà chị H1 đã đưa cho H từ trước, nhanh chóng tẩu thoát.

Hành vi chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX và Iphone 8Plus với tổng giá trị là **32.100.000 đồng** bằng thủ đoạn gian dối của H đã đủ yếu tố cấu thành tội ***“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*** theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi chiếm đoạt chiếc ví bên trong có tiền và thẻ ATM: Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt thì chiếc ví nằm trong túi xách của chị H1, thời điểm này tuy bị cáo và bị hại cùng ở chung một diện

tích phòng nghỉ nhưng tài sản của ai vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng và kiểm soát của người đó (thể hiện bằng việc bị cáo phải đưa ra những thông tin gian dối để mượn điện thoại của chị H1), khi chị H1 ra khỏi phòng vẫn để túi xách của mình ở trong phòng là sự sơ hở trong quản lý tài sản của mình, lợi dụng sự sơ hở đó, H đã lén lút chiếm đoạt chiếc ví cùng tài sản bên trong. Hành vi chiếm đoạt chiếc ví trị giá 100.000 đồng, bên trong có 2.000.000 đồng tiền mặt của H đã đủ yếu tố cấu thành tội **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với thẻ ATM trong ví: thẻ nhựa có giá trị 10.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản), bị cáo biết thẻ ATM không phải là tài sản có giá trị, nhưng là vật được dùng để thực hiện các giao dịch tự động trong đó có giao dịch rút tiền từ tài khoản ngân hàng của chủ tài khoản tại các máy rút tiền tự động (cây ATM), vì vậy nên trên đường đi đã vứt ví và giấy tờ nhưng giữ lại thẻ ATM của chị H1 để tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và thực tế ngay rạng sáng hôm sau, bị cáo đã cố ý giấu giếm, vụng trộm sử dụng mật khẩu cá nhân và rút tiền trong tài khoản của chị H1. Hành vi nêu trên của bị cáo thể hiện sự lén lút, cố ý chuyển dịch trái pháp luật tài sản của người khác thành của mình. Tại thời điểm bị cáo chiếm đoạt thẻ ATM, thì trong tài khoản cá nhân của chị H1 có 31.621.300 đồng, nhưng bị cáo chỉ rút được số tiền 25.000.000 đồng thì bị vô hiệu hóa thao tác (nuốt thẻ). Như vậy, đối với hành vi rút tiền trong tài khoản cá nhân của chị H1 thông qua giao dịch tự động tại cây ATM của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của chị H1 là **27.110.000 đồng**.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố bị cáo là về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Nhân thân bị cáo từng bị kết án về tội ít nghiêm trọng nhưng khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nên được coi là không có án tích. Ngày 26/5/2019, bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác, tính đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vì phạm hành chính. Do vậy, không thể coi bị cáo là người có nhân thân tốt.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như đã viện dẫn, thì phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt với mức án như đại diện Viện kiểm sát đề nghị, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của nhiều tội trong cùng một lần xét xử đối với bị cáo Phạm Minh H.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là chị Đào Thị Kim H1 yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị các tài sản không thu hồi được gồm 01 điện thoại Iphone 8Plus (13.600.000đ), 01 chiếc ví (100.000đ), 01 thẻ ATM (10.000đ) theo kết luận định giá tài sản và số tiền mặt gồm 2.000.000 đồng trong ví, 25.000.000 đồng rút từ tài khoản cá nhân của chị H1. Tổng là 40.710.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức T, do ông Nguyễn Đức Th làm đại diện, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã mua chiếc điện thoại Iphone XS MAX mà anh đã tự nguyện giao nộp để trả lại cho bị hại là 13.500.000 đồng.

Xét yêu cầu của được bồi thường thiệt hại của chị H1 và anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự, nên chấp nhận.

[6] Biện pháp tư pháp: trả lại cho chị Đào Thị Kim H1 số tiền 1.440.000 thu giữ của bị cáo Phạm Minh H theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 46, Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí bồi thường dân sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Khoản 1 Điều 174, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55; Điểm b Khoản 1 Điều 46, Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự; các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a và c Khoản 1 Điều 23, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên bố bị cáo **Phạm Minh H** phạm các tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh H 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 18 (mười tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc Phạm Minh H phải chấp hành hình phạt chung là **33 (ba mươi ba)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2020;

- Biện pháp tư pháp: trả lại cho chị Đào Thị Kim H1 số tiền 1.440.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Minh H, hiện đã nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên tại Kho bạc nhà nước Long Biên theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 24/6/2020.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Phạm Minh H phải bồi thường cho chị Đào Thị Kim H1 số tiền 40.710.000 đồng, được trừ đi số tiền 1.440.000 đồng đã thu giữ, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị H1 số tiền 39.270.000 đồng (*ba mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Phạm Minh H phải bồi thường cho anh Nguyễn Đức T số tiền 13.500.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 2.638.500 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Anh Nguyễn Đức T và đại diện hợp pháp của anh T có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Long Biên;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THA DS Q. Long Biên;
- Bộ phận THA HS Tòa án ND quận Long Biên;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh